

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AYUN PA
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2021/DS-ST

Ngày 04-8-2021

"Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUN PA - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Siu Lanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Hùng.

2. Ông Nguyễn Đức Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nay Ha -Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2021/TLST-DS, ngày 05 tháng 4 năm 2021, về việc: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1977. Có mặt.

Địa chỉ: 28 Nguyễn Đình C, tổ 6, phường H, thị xã A, tỉnh G.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mai Tr. Có mặt.

Địa chỉ: 44 Nguyễn Đình C, tổ 6, phường H, thị xã A, tỉnh G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 30/3/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Ngày 03/01/2014 bà Nguyễn Thị Mai Tr viết giấy xác nhận nợ bà Nguyễn Thị M số tiền 41.200.000 đồng và cam kết hàng tháng trả số tiền 3.000.000 đồng, tuy nhiên bà M đã đi đòi nhiều lần nhưng bà Tr không chịu trả. Nay bà Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Mai Tr phải trả số tiền 41.200.000 đồng, ngoài ra bà M không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên bà Nguyễn Thị M giao nộp một bản chính Giấy nhận nợ đề ngày 03/01/2014 viết tay, có chữ ký xác nhận của bị đơn bà Nguyễn Thị Mai Tr. Lý do bà M chậm giao nộp tài liệu, chứng cứ trên do tình hình dịch bệnh, thực hiện yêu cầu giãn cách xã hội.

* Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị Mai Tr: Quá trình giải quyết vụ án bà Tr đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, biết việc bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu trả nợ; tại một số biên bản tổng đạt giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án bà Nguyễn Thị Mai Tr có ghi “Tôi không có nợ nần gì với chị M số tiền đó” nhưng không hợp tác với Tòa án; không cung cấp bản tự khai, không đến Tòa án làm việc, không có yêu cầu phản tố và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Mai Tr trình bày: Bà Tr xác nhận ngày 03/01/2014 bà có viết giấy, ký xác nhận nợ bà Nguyễn Thị M số tiền 41.200.000 đồng là đúng. Tuy nhiên bà Tr đã trả cho bà M được số tiền 10.000.000 đồng, còn lại 31.200.000 đồng xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng 300.000 đồng. Tuy nhiên, ý kiến của bà Tr không được bà M chấp nhận.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tại phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị M đã chấp hành và thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn bà Nguyễn Thị Mai Tr không chấp hành và không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình như không cung cấp bản khai, không đến Tòa án làm việc, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án và ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa xét thấy: Ngày 03/01/2014 bà Nguyễn Thị Mai Tr có viết Giấy xác nhận nợ bà Nguyễn Thị M số tiền 41.200.000 đồng và hứa hàng tháng sẽ trả số tiền 3.000.000 đồng. Tại phiên bà M giao nộp một bản chính Giấy nhận nợ đề ngày 03/01/2014 viết tay, có chữ ký xác nhận của bị đơn bà Nguyễn Thị Mai Tr. Lý do bà M chậm giao nộp giấy nhận nợ nêu trên là do tình hình dịch bệnh, thực hiện yêu cầu giãn cách xã hội nên đây là lý do khách quan đề nghị HĐXX chấp nhận để xem xét. Tại phiên tòa, bà Tr xác nhận có viết giấy nhận nợ và có nợ bà M số tiền trên là đúng. Tuy nhiên, bà Tr cho rằng đã trả được 10.000.000 đồng, còn lại 31.200.000 đồng xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng 300.000 đồng. Ý kiến của bà Tr không được bà M chấp nhận, bà Tr cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc trả nợ nên không có căn cứ để chấp nhận. Do đó đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 121, 122, 123, 124, 281, 290, 471, 474 và 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005 để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Mai.

Buộc bà Nguyễn Thị Mai Tr phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 41.200.000 đồng.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Mai Tr phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 2.060.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mai Tr trả số tiền 41.200.000 đồng; bị đơn có nơi cư trú tại 44 Nguyễn Đình C, tổ 6, phường H, thị xã A, tỉnh Gia Lai nên đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật: Quan hệ vay tài sản giữa các đương sự diễn ra vào năm 2014, xảy ra tranh chấp vào năm 2021 nên áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết.

- Về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn tại phiên tòa: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị M giao nộp một bản chính Giấy nhận nợ đề ngày 03/01/2014 viết tay, có chữ ký xác nhận của bị đơn bà Nguyễn Thị Mai Tr. Bị đơn bà Tr cũng xác nhận đã viết và ký vào tờ giấy nhận nợ nêu trên và không có ý kiến hay tranh chấp gì. Xét thấy, Giấy nhận nợ đề ngày 03/01/2014 là chứng cứ quan trọng, có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án; trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu bà M cung cấp bản gốc tuy nhiên do tình hình dịch bệnh, thực hiện yêu cầu giãn cách xã hội nên bà M không cung cấp được theo yêu cầu của Tòa án. Xét thấy việc chậm giao nộp chứng cứ nêu trên là lý do khách quan nên HĐXX chấp nhận để xem xét, giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại Giấy nhận nợ đề ngày 03/01/2014 do bà Nguyễn Thị M cung cấp thể hiện: Bà Nguyễn Thị Mai Tr xác nhận có nợ bà Nguyễn Thị M số tiền 41.200.000 đồng và hứa hàng tháng sẽ trả số tiền 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Giấy nhận nợ có chữ ký, họ tên của bà Nguyễn Thị Mai Tr. Tại phiên tòa, bị đơn bà Tr cũng xác nhận đã viết và ký vào tờ giấy nhận nợ nêu trên, không có ý kiến hay tranh chấp gì. Xét thấy, giao dịch vay tài sản được xác lập giữa bà M và bà Tr là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên. Tại Điều 290 BLDS năm 2005 về thực hiện nghĩa vụ trả tiền quy định: “Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thoả thuận. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thoả thuận khác”. Tại Điều 474 BLDS năm 2005 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay cũng quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác”.

Bà M đã yêu cầu bà Tr trả nợ nhưng bà Tr không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thoả thuận nên bà M khởi kiện yêu cầu bà Tr phải trả số tiền 41.200.000 đồng là có căn cứ để xem xét, giải quyết.

[2.2] Đối với ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị Mai Tr thừa nhận có nợ bà M số tiền 41.200.000 đồng nhưng cho rằng đã trả cho bà M số tiền 10.000.000 đồng, hiện chỉ còn nợ 31.200.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng. Tuy nhiên, ý kiến của bà Tr không được bà M chấp nhận, bà Tr cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đã trả nợ cho bà M nên không có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Về nghĩa vụ trả lãi: Bà M không yêu cầu bà Tr phải trả lãi trên số tiền đã vay nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên HĐXX xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M. Buộc bà Nguyễn Thị Mai Tr phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 41.200.000 đồng là có căn cứ.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm của vụ án là 2.060.000 đồng (41.200.000 đồng x 5% = 2.060.000 đồng). Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Mai Tr phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 2.060.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.030.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0009193 ngày 30/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 96, Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 121, 122, 123, 124, 281, 290, 305, 471, 474 và 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

Buộc bà Nguyễn Thị Mai Tr phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 41.200.000 đồng (*bốn mươi một triệu hai trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị Mai Tr phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 2.060.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.030.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0009193 ngày 30/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/8/2021.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ayun Pa;
- Các đương sự ;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS thị xã Ayun Pa;
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Siu Lanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hoàng Hùng

Nguyễn Đức Thái

Siu Lanh

